

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Bảo vệ thực vật

Mã ngành: 9620112

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và Anh)	Bảo vệ thực vật Plant protection
2	Mã ngành	9620112
3	Đơn vị quản lý (ghi Bộ môn và Khoa)	Bộ môn Bảo vệ Thực vật, Khoa Nông nghiệp
4	Các ngành dự thi	
4.1	Ngành đúng, phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Bảo vệ thực vật
4.2	Ngành gần (học bổ sung kiến thức)	Khoa học cây trồng, Phát triển nông thôn, Di truyền và chọn giống cây trồng, Khoa học đất, Hệ thống nông nghiệp
5	Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành bảo vệ thực vật nhằm giúp nghiên cứu sinh nâng cao kiến thức chuyên sâu, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành bảo vệ thực vật; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá kiến thức mới; và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.- Mục tiêu cụ thể: Hỗ trợ nghiên cứu sinh phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, rèn luyện khả năng xác định vấn đề, độc lập nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.
6	Chuẩn đầu ra	
6.1	Kiến thức	<p>Kiến thức chuyên ngành</p> <ol style="list-style-type: none">Hệ thống hóa các kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về khoa học bảo vệ và kiểm dịch thực vật; xác định đúng và giải quyết được vấn đề dịch hại phát sinh trên cây trồng và sản phẩm của cây trồng;Phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành nghiên cứu; tổng hợp và vận dụng được kiến thức về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường;Hình thành tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh;
6.2	Kỹ năng	<ol style="list-style-type: none">Phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn;Xây dựng chương trình nghiên cứu và ứng dụng sáng tạo thành tựu khoa học, công nghệ mới về quản lý dịch hại để giải quyết được những vấn đề bảo vệ thực vật phát sinh; có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm một cách hiệu quả; tạo ra giá trị mới và thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu,

		<p>giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí công tác khác thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật</p> <p>c. Thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; phát triển năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế;</p>
6.3	Thái độ/ Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân	<p>a. Hình thành lập trường chính trị-tư tưởng rõ ràng, thể hiện nhận thức đúng về các vấn đề kinh tế, xã hội; tự chủ, tự tin và chủ động cập nhật thông tin để nâng cao trình độ trong các hoạt động nghiên cứu, tạo ra giá trị mới và ứng dụng kiến thức chuyên môn về bảo vệ thực vật.</p> <p>b. Phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đóng góp những sáng kiến có giá trị và đánh giá được giá trị của các sáng kiến; thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế;</p> <p>c. Thể hiện năng lực lãnh đạo và tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn; quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới</p>
6.4	Ngoại ngữ trong quá trình học tập, nghiên cứu	Nghiên cứu sinh tự học nâng cao khả năng ngoại ngữ
7	Đã tham khảo CTĐT của trường	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình Sau đại học về Bác sĩ cây trồng của trường Đại học Florida; http://dpm.ifas.ufl.edu/wp-content/uploads/2017/11/DPM_Handbook_2017.pdf - Chương trình đào tạo bậc thạc sĩ và TS của học viện Nông nghiệp Việt Nam: https://www.vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/view.html?cid=4645&tab=4645

Chương trình đào tạo chi tiết

Tổng số tín chỉ: 90 TC cho người tốt nghiệp thạc sĩ; 120 TC cho người tốt nghiệp đại học.

Thời gian đào tạo: 3 năm

Một số hướng nghiên cứu:

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận
1	Nghiên cứu sản xuất thuốc diệt cỏ sinh học từ dịch chiết thực vật	TS. Hồ Lê Thi	1
2	Phát triển thuốc trừ sâu thảo mộc	PGS.TS. Trần Văn Hai	1
3	Sử dụng vi sinh vật gây bệnh để phòng trừ côn trùng gây hại cây trồng	PGS.TS. Trần Văn Hai	1
4	Sinh thái học hóa chất của các loài côn trùng nhiệt đới	PGS.TS. Lê Văn Vàng	1
5	Phòng trừ sinh học côn trùng gây hại cây ăn trái	PGS.TS. Lê Văn Vàng	1
6	Quản lý bệnh hại cây trồng bằng vi khuẩn vùng rễ	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
7	Nghiên cứu biện pháp sinh học trong phòng trừ bệnh hại trên cây trồng	TS. Lê Thanh Toàn	1
8	Nghiên cứu thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh hại vi khuẩn trên cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
9	Nghiên cứu biện pháp phòng trừ tổng hợp đối với các bệnh hại quan trọng trên cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
10	Ứng dụng vi sinh vật có lợi trong quản lý tổng hợp các bệnh hại quan trọng trên cây lúa	PGS.TS. Trần Vũ Phén	1
11	Ứng dụng vi sinh vật có lợi trong quản lý tổng hợp các bệnh hại quan trọng trên cây trồng cạn.	PGS.TS. Trần Vũ Phén	1
12	Ứng dụng công nghệ sinh học trong quản lý tác nhân gây bệnh hại cây trồng	PGS.TS. Lê Minh Tường	3
13	Nghiên cứu dịch tễ học các tác nhân gây bệnh trên cây trồng	Ts. Lê Phước Thạnh	1
14	Nghiên cứu biện pháp sinh học trong phòng trừ sâu hại trên cây trồng	Ts. Phạm Kim Sơn	1

Đề cương nghiên cứu: Theo kế hoạch tập trung của Trường.

Phần 1: Học phần bổ sung

1.1 Có bằng đại học ngành phù hợp: học các học phần sau đây:

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	X		45			I, II
<i>Cộng: 3 TC (Bắt buộc 3 TC)</i>									
Phần kiến thức cơ sở									
2	NNC608	Phương pháp nghiên cứu khoa học - cây trồng	2	X		20	20		I, II
3	NN686	Thống kê, phép thí nghiệm ứng dụng	2	X		15	30		I, II
4	NN603	Độc chất học nông nghiệp	3	X		30	30		I, II
5	NN711	Sinh hoạt học thuật	2	X			30		I, II
6	NNB602	Virus học thực vật	2		X	30			I, II
7	NN609	Công nghệ sinh học trong BVTV	3		X	30	30		I, II
8	NN704	Phân tích hệ thống canh tác	2		X	30			I, II
9	NN687	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2		X	30			I, II
10	NNG604	Thâm cứu di truyền chọn giống phân tử	2		X	20	20		I, II
11	NN714	Thâm cứu dinh dưỡng cây trồng	2		X	30			I, II
<i>Cộng: 14 TC (Bắt buộc 9 TC; Tự chọn: 5 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
12	NNB615	Sinh học nấm hại thực vật	2	X		15	30		I, II
13	NN612	Sinh lý và sinh thái học côn trùng	2	X		30			I, II
14	NNB608	Dịch tễ học dịch hại cây trồng	2	X		30			I, II
15	NN618	Kiểm dịch thực vật	2	X		15	30		I, II
16	NNC712	Thực tập giáo trình - cây trồng	2	X			90		III
17	NN622	Chiến lược quản lý cỏ dại	2		X	30			I, II
18	NN623	Chiến lược quản lý bệnh hại cây trồng	2		X	30			I, II
19	NN624	Chiến lược quản lý côn trùng hại cây trồng	2		X	30			I, II
20	NNB612	Tương tác giữa cây trồng và vi sinh vật	3		X	30	30		I, II
21	NNB604	Thâm cứu tuyên trùng nông nghiệp	2		X	15	30		I, II
22	NN619	Thâm cứu giám định sâu hại cây trồng	2		X	15	30		I, II
23	NN620	Thâm cứu giám định bệnh hại cây trồng	2		X	15	30		I, II
24	NN621	Vi khuẩn học thực vật	2		X	15	30		I, II
25	NNB607	Bệnh hại cây trồng có nguồn gốc từ đất	2		X	15	30		I, II
26	NNB613	Thâm cứu phòng trừ sinh học bệnh hại cây trồng	2		X	15	30		I, II
27	NNB614	Thâm cứu phòng trừ sinh học côn trùng hại cây trồng	2		X	15	30		I, II
28	NNB609	Hóa chất sinh thái học	2		X	15	30		I, II
<i>Cộng: 13 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 3 TC)</i>									
		Tổng cộng	30	22	8				

2.2 Các chuyên đề tiến sĩ

- Số chuyên đề: 2
- Tổng số tín chỉ 2 chuyên đề: 6TC
- Thời gian thực hiện:
 - + Chuyên đề 1: Năm thứ 1
 - + Chuyên đề 2: Năm thứ 2

2.3 Bài tiểu luận tổng quan:

- Tổng số tín chỉ: 3TC
- Thời gian thực hiện: Năm thứ 2

Phần 3: Nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học, ngoại ngữ, thực hiện nhiệm vụ NCS và hoàn thành luận án tiến sĩ (70TC)

- 3.1 Nghiên cứu khoa học: Năm thứ 3 hoặc 4
- 3.2 Luận án tiến sĩ: Năm thứ 3 hoặc 4.

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2019
TRƯỞNG KHOA



Hà Thanh Toàn


Lê Việt Dũng


Lê Văn Vàng

Khung khối lượng tín chỉ (TC) trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Các nội dung chính	Định mức (TC)	Số lượng	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tổng TC	Ghi chú
I	Nội dung 1 và 2			15	5	20	
1	Nội dung 1: Học phần (HP) trình độ tiến sĩ	2-3 TC/HP	3-6 HP	6	5	11	4-6 2-5
2	Nội dung 2: Tiêu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ		3	9		9	
2.1	Tiêu luận tổng quan	3	1	3		3	
2.2	Chuyên đề tiến sĩ	3	2	6		6	
II	Nội dung 3: Nghiên cứu			50	20	70	
3	Bài báo khoa học (ít nhất 2 bài báo)		2	10		10	
	<i>Tạp chí KH thuộc TC ISI-Scopus</i>	6	1	6			
	<i>Tạp chí KH nước ngoài có phản biện</i>	5	2	10			
	<i>Kỷ yếu quốc tế có phản biện</i>	5	2	10			
	<i>Tạp chí trong nước (theo danh mục TC Trường quy định cho NCS)</i>	4	1	4			
4	Báo cáo hội nghị khoa học (trong nước/quốc tế)	2-4	1-3		7	7	Tự chọn trong mục 4
4.1	Trong nước (tiếng Việt)						
	Oral	3					
	Poster	2					
4.2	Quốc tế (tiếng nước ngoài)						
	Oral	4					
	Poster	3					
5	Seminar	0,25-2	4-11		5	5	Tự chọn trong mục 5
5.1	Thuyết trình seminar	1	4				
5.2	Tham dự báo cáo chuyên đề, seminar	0,25	8				
5.3	Seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước bảo vệ cơ sở	2	1				
6	Tham gia giảng dạy/hướng dẫn thực tập/luận văn ĐH	1-2	4-8		8	8	Tự chọn trong mục 6
6.1	Luận văn đại học	2	1-3				
6.2	Giảng dạy, hướng dẫn thực tập		1-5				
7	Luận án			40		40	
7.1	Hoạt động nghiên cứu	30	1	30			
7.2	Báo cáo kết quả nghiên cứu cho NHD và BM theo tiến độ; hoàn chỉnh luận án	10		10			
	TỔNG CỘNG			64-66	24-26	90	

